

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **17/2023/HS-PT**

Ngày: 20-02-2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Tồn**

*Các thẩm phán:* Ông **Nguyễn Văn Tiến**

Ông **Trần Quốc Cường**

*- Thư ký phiên tòa:* Ông **Phạm Minh Hoàng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Ông **Lê Ra**, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và tại điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số 564/2022/TLPT-HS ngày 09 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Đức T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2022/HS-ST ngày 27/10/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

*Bị cáo có kháng cáo:*

**Nguyễn Đức T**, sinh ngày 11 tháng 02 năm 1970 tại tỉnh Phú Thọ; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: thành phố Hà Nội; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Kinh doanh; con ông Nguyễn Xuân T (đã chết) và bà Phạm Thị S, sinh năm 1943; gia đình có 06 chị em, bị cáo là con thứ ba; có vợ là Nguyễn Thị N (sinh năm 1977) và 02 con (sinh năm 1994 và 2001); Tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giam ngày 15/11/2021, đến ngày 24/01/2022 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh. Hiện bị cáo đang tại ngoại. Có mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung*

*vụ án được tóm tắt như sau:*

Vợ chồng ông Đỗ Ngọc Q và bà Hồ Thị V có con trai là anh Đỗ Phan A đang đi nghĩa vụ Công an tại Công an tỉnh Quảng Nam, đến tháng 9/2018 thì ra quân nhưng nguyện vọng của ông Q và bà V là muốn xin cho anh Đỗ Phan A được biên chế ngành Công an khi kết thúc thời gian nghĩa vụ.

Tháng 6/2016, ông Lê Mạnh H (đang công tác tại Phòng an toàn, bảo hộ lao động thuộc Bộ Tham mưu Tổng cục Kỹ thuật của Bộ Quốc phòng), có chuyển công tác tại Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Quảng Nam nên có đến nhà ông Đỗ Ngọc Q để thăm chơi. Qua trò chuyện, ông H biết được vợ chồng ông Q và bà V có con trai là Đỗ Phan A đang đi nghĩa vụ tại Công an tỉnh Quảng Nam đến tháng 9/2018 thì ra quân và mong muốn Đỗ Phan A được đi học để biên chế vào ngành Công an nên ông H bảo với ông Q và bà V rằng: ông H có quen biết Nguyễn Đức T đang công tác tại Thanh tra Bộ Công an (chức vụ Trung tá), có quan hệ quen biết với nhiều người có chức vụ, có thể lo cho Đỗ Phan A được đi học để được biên chế ngành Công an, ông H hứa sẽ nói để T giúp cho ông Q và bà V.

Năm 2017, ông Đỗ Ngọc Q có chuyển đi công tác tại Hà Nội nên bà V đã đi cùng ông Q. Đến Hà Nội, ông Q điện thoại cho ông H nhờ ông H sắp xếp cho vợ chồng ông Q và bà V được gặp ông T thì ông H hẹn vợ chồng ông Q và V đến quán C tại thành phố Hà Nội. Tại đây, ông H đã giới thiệu cho vợ chồng ông Q và bà V gặp Nguyễn Đức T và nói rằng T đang làm Công an, sau đó mọi người ăn uống rồi ra về. Hôm sau, theo chỉ dẫn của ông H, vợ chồng ông Q, bà V đến Salon xe ô tô của T (ở tại thành phố Hà Nội) để gặp T trao đổi nhờ T lo cho anh Đỗ Phan A được đi học để được biên chế ngành Công an. Lúc này, T đã lợi dụng lời giới thiệu không đúng của ông H về T để đưa ra lời nói gian dối với vợ chồng ông Q và bà V rằng: T sẽ nhờ người lo (chạy) cho Đỗ Phan A được đi học trường Công an để được biên chế ngành Công An với chi phí để “chạy” lo thủ tục là 1.000.000.000 đồng. Do số tiền T yêu cầu quá lớn, ông Q và bà V không đồng ý nên đã ra về mà không đề cập đến việc nhờ T lo cho Đỗ Phan A nữa.

Đến khoảng tháng 9/2017, với ý định chiếm đoạt tiền của vợ chồng ông Q để tiêu xài cá nhân nên Nguyễn Đức T đã điện thoại cho ông Q và thông báo là T sẽ lo cho Đỗ Phan A được đi học để biên chế ngành Công an với chi phí là 600.000.000 đồng. Ông Q và bà V đã tin tưởng lời nói của T là thật nên đã đồng ý với số tiền T yêu cầu.

Ngày 25/9/2017, T sử dụng số thuê bao 0978846868 nhắn tin vào số điện thoại 0913480596 của ông Q để cung cấp 02 tài khoản ngân hàng: tài khoản số 19020823952688 mở tại Ngân hàng T - Chi nhánh T, Hà Nội và tài khoản số 112884076 mở tại Ngân hàng V - Chi nhánh T, Hà Nội (đều đứng tên Nguyễn Đức T).

Ngày 26/9/2017, bà V đến Ngân hàng T-Chi nhánh Quảng Nam chuyển vào tài khoản số 19020823952688 của T số tiền 400.000.000 đồng. Tiếp tục, ngày 12/3/2018, bà V đến Ngân hàng V-Chi nhánh Quảng Nam chuyển đến tài

khoản số 112884076 của T số tiền 200.000.000 đồng, tổng cộng là 600.000.000 đồng theo yêu cầu của T để lo cho Đỗ Phan A được đi học để vào biên chế ngành Công an. Sau khi chuyển cho T số tiền 600.000.000 đồng, ông Q thường xuyên điện thoại cho T để nhắc việc thì T hứa hẹn chờ đến khi Đỗ Phan A ra quân vào tháng 9/2018 sẽ lo cho Đỗ Phan A đi học để vào biên chế ngành Công an. Đến tháng 9/2018, Đỗ Phan A xuất ngũ về lại địa phương nhưng không được đi học và vào biên chế ngành Công an như T đã hứa. Ngày 02/10/2019, ông Q chết do bị bệnh nặng. Sau thời gian ông Q chết, bà V nhiều lần sử dụng số thuê bao 0772350885 gọi điện thoại cho T yêu cầu T trả lại số tiền 600.000.000 đồng nhưng T không trả và cắt liên lạc. Bà V đã điện thoại cho ông Lê Mạnh H nhờ ông H tác động T trả tiền lại cho bà V nhưng T vẫn không trả tiền cho bà V.

Nghi ngờ Nguyễn Đức T có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên bà V đã trình báo đến Thanh tra Bộ Công an, Công an thành phố Hà Nội. Sau đó, bà V nhận Văn bản số 2620/HD-X05-P6 ngày 24/8/2020 của Thanh Tra Bộ Công an trả lời và xác nhận: Thanh tra Bộ Công an không có cán bộ, chiến sĩ nào có tên Nguyễn Đức T có thông tin địa chỉ nêu trong đơn trình báo của bà V và hướng dẫn bà V tố giác đến Công an thành phố Hà Nội. Sau đó, Công an thành phố Hà Nội đã chuyển đơn tố giác của bà V đến Công an thành phố Tam Kỳ kiểm tra, xác minh và chuyển hồ sơ đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Nam giải quyết theo thẩm quyền.

\* Ông Lê Mạnh H khai nhận: qua nhiều lần giao lưu gặp gỡ bạn bè tại quán Chim Trời, ông H biết Nguyễn Đức T và có nghe nói (không nhớ ai nói), T đang công tác tại Thanh tra Bộ Công an, cấp bậc: Trung tá nên ông H nghĩ là thật. Do đó, khi gặp và nghe ông Q và bà V mong muốn con trai (Đỗ Phan A) được đi học để biên chế ngành Công an thì ông H đã giới thiệu T để ông Q gặp trao đổi với T giúp cho Đỗ Phan A được đi học để được biên chế vào ngành Công an. Việc ông Q và T trao đổi thỏa thuận với nhau như thế nào ông H không tham gia, không giúp sức và cũng không hưởng lợi gì từ việc T nhận tiền của ông Q và bà V. Sau khi sự việc xảy ra, T không trả tiền lại cho bà V nên bà V nhiều lần điện thoại cho ông H để nhờ ông H tác động T trả tiền cho bà V. Lúc này, ông H mới biết T đã nhận của ông Q và bà V số tiền 600.000.000 đồng nhưng không lo cho Đỗ Phan A được đi học để được biên chế vào ngành Công an, ông H đã điện thoại cho T yêu cầu T trả lại tiền cho bà V nhưng T không trả.

\* Trong quá trình giải quyết nguồn tin tội phạm và điều tra ban đầu, T không thừa nhận hành vi phạm tội của mình vì lo sợ và nghĩ rằng hành vi phạm tội của T sẽ không ai phát hiện và điều tra cũng không quy buộc được (*do ông Q đã chết sẽ không còn ai chứng minh nội dung T nhận tiền để lo cho Đỗ Phan A như T và ông Q đã thỏa thuận*) nên đã khai nhận là nhận tiền giúp cho ông Q. Sau đó, T nhận thức được hành vi phạm tội của mình cùng với lời động viên của gia đình, người bào chữa nên đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ mà Cơ quan điều tra đã thu thập được. Đồng thời Nguyễn Đức T đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ số tiền 600.000.000 đồng cho người bị hại.

\* Về vật chứng: bà Hồ Thị V đã giao nộp cho Cơ quan điều tra 03 (ba) USB, trong 03 (ba) USB có lưu giữ các file ghi âm cuộc gọi của bà V cho ông Nguyễn Đức T để yêu cầu ông T trả lại số tiền 600.000.000 đồng và gọi cho ông Lê Mạnh H để nhờ ông H tác động ông T trả lại tiền; 01 (một) điện thoại di động hiệu Philips màu đen bên trong có số thuê bao 0913480596, theo bà V trình bày đây là điện thoại của ông Đỗ Ngọc Q sử dụng lúc còn sống dùng để liên lạc với Nguyễn Đức T.

***Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2022/HSST ngày 27/10/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:***

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức T 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 15/11/2021 đến ngày 24/01/2022).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phân trách nhiệm dân sự, phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/11/2022, bị cáo Nguyễn Đức T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 BLTTHS không chấp nhận kháng cáo của bị cáo giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị cáo Nguyễn Đức T hiện đang tại ngoại được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt vì lý do sức khỏe, việc vắng mặt bị cáo không cản trở việc xét xử vụ án, do vậy HĐXX vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 351 BLTTHS.

[2] Theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án cũng như đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo Nguyễn Đức T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo đúng như Cáo trạng đã truy tố. Xét thấy, lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Mặc dù không công tác trong ngành Công an, nhưng Nguyễn Đức T đã lợi dụng lời giới thiệu của ông Lê Mạnh H với vợ chồng ông Đỗ Ngọc Q và bà Hồ Thị V là T đang công tác trong ngành Công an để đưa ra lời nói gian dối,

hứa hẹn về việc sẽ lo (chạy) cho Đỗ Phan A là con trai của ông Đỗ Ngọc Q và bà Hồ Thị V được đi học trường Công an để được biên chế ngành Công an, từ đó làm cho vợ chồng ông Q và bà V tin tưởng là thật nên đã chuyển vào tài khoản của T số tiền 600.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền của ông Q và bà V, T không thực hiện việc lo (chạy) cho Đỗ Phan A được đi học trường Công an để được biên chế ngành Công an như đã hứa hẹn mà chiếm đoạt tiêu xài cá nhân. Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Đức T đã đủ các yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự để xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo thì thấy;

Hội đồng xét xử sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự như: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; lần đầu phạm tội. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho người bị hại Hồ Thị V toàn bộ số tiền 600.000.000 đồng; được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có cha (ông Nguyễn Xuân Thành) là người có công với cách mạng, được nhà nước tặng thưởng nhiều huân chương. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức án 07 năm tù dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là đã chiếu cố cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không xuất trình được tài liệu chứng cứ và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Do đó, HĐXX không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Đức T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức T 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 15/11/2021 đến ngày 24/01/2022).

2. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Đức T phải chịu 200.000 án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Quảng Nam;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Quảng Nam;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an tỉnh Quảng Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Bị cáo;
- Trại tạm giam công an tỉnh Quảng Nam;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Phạm Tồn**